

Phụ lục I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
TRONG LĨNH VỰC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA, KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Kèm theo Quyết định số _____ /QĐ-UBND ngày _____ / _____ /2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I	Lĩnh vực hàng hải và đường thủy nội địa					
1	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa (1.009444)	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Sở Xây dựng; UBND cấp xã	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã;	Phí Thẩm tra, thẩm định: 100.000 đồng/lần.	- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ; - Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ; - Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.
2	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa (1.009447)				Không	

3	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông (1.009465)	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ theo quy định.	Sở Xây dựng; UBND cấp xã	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã		- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ; - Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.
4	Cấp Giấy phép nhập khẩu pháo hiệu hàng hải (1.001223)	09 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	UBND tỉnh	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25/11/2015; - Nghị định số 70/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.

5	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa (2.001998)	- Đối với trường hợp cấp lại khi Giấy chứng nhận bị mất, bị hỏng: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ sở đào tạo. - Đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận khi thay đổi địa chỉ hoặc loại cơ sở đào tạo: Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	UBND tỉnh, Sở Xây dựng	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Nghị định số 78/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 128/2018/NĐ-CP ngày 24/9/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 54/2022/NĐ-CP ngày 22/8/2022 của Chính phủ; - Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.
6	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa (2.002001)	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	UBND tỉnh, Sở Xây dựng			- Nghị định số 78/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 128/2018/NĐ-CP ngày 24/9/2018 của Chính phủ. - Nghị định số 54/2022/NĐ-CP ngày 22/8/2022 của Chính phủ. - Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.

7	Quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động (1.000940)	04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	UBND tỉnh	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25/11/2015; - Nghị định 82/2019/NĐ-CP ngày 12/11/2019 của Chính phủ; - Nghị định số 74/2023/NĐ-CP ngày 11/10/2023 của Chính phủ; - Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.
8	Quyết định lại đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động (1.007949)	04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.				- Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25/11/2015; - Nghị định 82/2019/NĐ-CP ngày 12/11/2019 của Chính phủ; - Nghị định số 74/2023/NĐ-CP ngày 11/10/2023 của Chính phủ; - Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.
9	Phê duyệt phương án phá dỡ tàu biển (1.000892)	07 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.				- Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25/11/2015; - Nghị định số 82/2019/NĐ-CP ngày 12/11/2019 của Chính phủ quy định về nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng; - Nghị định số 74/2023/NĐ-CP ngày 11/10/2023 của Chính phủ; - Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.

10	Cấp Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ (2.000378)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	UBND tỉnh, Sở Xây dựng	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25/11/2015; - Nghị định số 82/2019/NĐ-CP ngày 12/11/2019 của Chính phủ; - Nghị định số 74/2023/NĐ-CP ngày 11/10/2023 của Chính phủ; - Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.
11	Chấp thuận vùng hoạt động tàu lặn (1.013466)	20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	UBND tỉnh			- Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25/11/2015; - Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/ 5/ 2017 của Chính phủ; - Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6 /2025 của Chính phủ.
12	Phê duyệt Phương án đưa tàu lặn vào hoạt động (1.013467)	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Sở Xây dựng			- Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25/11/2015; - Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/ 5/ 2017 của Chính phủ; - Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6 /2025 của Chính phủ.

13	Chấm dứt hoạt động tàu lặn (1.013468)	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị	Sở Xây dựng	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25/11/2015; - Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/ 5/ 2017 của Chính phủ; - Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6 /2025 của Chính phủ.
14	Đổi tên cảng cạn (1.001870)	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	UBND tỉnh			- Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25/11/2015; - Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/ 2017 của Chính phủ; - Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/ 2025 của Chính phủ.
15	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu (2.001215)	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	UBND cấp xã	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	- Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ; - Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.
16	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước (2.001214)	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.				

17	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước (2.001212)	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.				
18	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước (2.001211)	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.				
19	Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc còi hiệu có màu sắc dễ quan sát (2.001217)	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	UBND cấp xã	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	- Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ; - Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.
20	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.				

	hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát (2.001218)					
21	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa (1.009452)	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	UBND cấp xã	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ; - Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.
22	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính (1.009453)	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.				
23	Công bố hoạt động bến thủy nội địa (1.009454)	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.			Phí Thẩm tra, thẩm định: 100.000 đồng/lần.	- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ; - Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

24	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính (1.009455)	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.		Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Phí Thẩm tra, thẩm định: 100.000 đồng/lần.	- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ; - Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 của Chính phủ; - Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
25	Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa (1.003658)		UBND cấp xã		Phí Thẩm tra, thẩm định: 100.000 đồng/lần.	
II	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản					
1	Cấp mới chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản (1.012906)	10 ngày làm việc kể từ ngày công bố kết quả thi sát hạch đạt.	Sở Xây dựng	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.	- Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15. - Nghị định số 96/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản. - Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.
2	Cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản (trong trường hợp chứng chỉ bị cháy, bị mất, bị rách, bị hủy hoại do thiên tai hoặc lý do	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.				- Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023; - Nghị định số 96/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ. - Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.

	bất khả kháng khác) (1.012907)					
3	Cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản (trong trường hợp chứng chỉ cũ đã hết hạn hoặc gần hết hạn) (1.012910)	10 ngày làm việc kể từ ngày công bố kết quả thi sát hạch đạt.	Sở Xây dựng			- Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15. - Nghị định số 96/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ. - Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.